

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10



TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hà Nội, tháng 6 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	Tên tài liệu
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế tổ chức, hoạt động ĐHĐCĐ thường niên 2025
3	Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2025
4	Tờ trình phê duyệt BCTC 2024 đã kiểm toán (công ty mẹ và hợp nhất).
5	Báo cáo của Hội đồng quản trị
6	Báo cáo của Ban kiểm soát
7	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2024;
8	Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2024 và kế hoạch thù lao 2025
9	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025
10	Tờ trình về việc thông qua các nội dung chính trong dự thảo các hợp đồng xây lắp giữa Công ty CP Sông Đà 10 với Tổng Công ty Sông Đà hoặc người có liên quan của Tổng công ty Sông Đà có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty CP Sông Đà 10 ghi trong báo cáo tài chính gần nhất
11	Dự thảo Nghị quyết đại hội
12	Mẫu giấy ủy quyền/Xác nhận tham dự
13	Thẻ biểu quyết
14	Phiếu biểu quyết



CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

1. Thời gian (dự kiến): **8h00, thứ năm, ngày 26/06/2025.**
2. Địa điểm: tầng 11, khu B, tòa nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
3. Chương trình Đại hội

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	Kiểm tra công tác thực hiện đăng kí quyền tham dự Đại hội.	8h00 -:- 8h30'	Ban tổ chức
II	1. Tuyên bố lí do. 2. Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h30'	Ban tổ chức
III	Các nội dung trình Đại hội		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h30' - 8h35'	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc.	8h35' - 8h45'	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí; Ban thẩm tra tư cách cổ đông; bầu Ban kiểm phiếu.	8h45' - 8h50'	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	8h50' - 9h00'	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày, thuyết minh các tờ trình, báo cáo:	9h00' - 10h00'	Đoàn Chủ tịch
5.1	Kế hoạch SXKD năm 2025;		Ô. Phương
5.2	Báo cáo tài chính 2024 đã kiểm toán;		Ô. T. Anh
5.3	Báo cáo của Hội đồng quản trị;		Ô. Linh
5.4	Báo cáo của Ban kiểm soát;		BKS
5.5	Dự kiến phân phối lợi nhuận 2024;		Ô. Phương
5.6	Thù lao HĐQT, BKS;		Ô. T. Anh
5.7	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.		BKS
5.8	Tờ trình về việc thông qua các nội dung chính trong dự thảo các hợp đồng xây lắp giữa Công ty CP Sông Đà 10 với TCT Sông Đà hoặc người có liên quan của TCT Sông Đà có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty CP Sông Đà 10 ghi trong báo cáo tài chính gần nhất		Ô. Phương
6	Đại hội thảo luận, bầu và biểu quyết các vấn đề đã nêu.	10h00' - 10h30'	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h30' - 11h00'	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h00' - 11h15'	Ban kiểm phiếu
9	Thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.	11h15' - 11h30'	Đoàn Chủ tịch và Thư ký
IV	Bế mạc Đại hội.	11h 30ph	Đoàn Chủ tịch

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC - HOẠT ĐỘNG ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Căn cứ:

*Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;
Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Sông Đà 10;
Căn cứ vào Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty Cổ phần Sông Đà 10 được tổ
chức và thực hiện theo các nội dung dưới đây.*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty cổ phần Sông Đà 10.
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham dự họp Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông, người được cổ đông ủy quyền dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN VÀ
CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người được ủy quyền

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp tại ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

3.2. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

- a. Được tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu.
- b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- c. Được BTC thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;

d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban thẩm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền đến dự họp muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội ngay sau khi đăng ký đối với các vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để họ đăng ký và hiệu lực của của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải mang theo các Giấy tờ sau:

- Đối với cổ đông cá nhân: Giấy mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng, Giấy ủy quyền (theo mẫu) nếu là người được ủy quyền;

- Đối với cổ đông tổ chức: Giấy mời họp, Bản sao Giấy chứng nhận ĐKDN (có chứng thực hợp lệ), CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) của người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền cần mang theo: CMND/CCCD/ Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền; Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có chứng thực hợp lệ); Giấy ủy quyền (theo mẫu).

b. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội; không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;

c. Không được ghi âm, ghi hình và truyền thông tin về nội dung cuộc họp ra bên ngoài trước khi có kết luận chính thức của Đại hội;

d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Đoàn chủ tịch;

e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người do Hội đồng quản trị thành lập, có các chức năng nhiệm vụ sau:

4.1 Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp;

4.2 Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

4.3 Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký/Ban thư ký Đại hội

5.1 Đoàn Chủ tịch

a. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm. Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Đoàn và là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa), có các chức năng nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.
Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự;

- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

b. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

c. Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp. - Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

e. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

5.2 Thư ký/Ban thư ký Đại hội

- Thư ký/Ban thư ký của Đại hội gồm 02 người do Chủ tịch đại hội cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

- Thư ký/Ban thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

- + Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- + Dự thảo Nghị quyết Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội (nếu có).

- + Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

6.1 Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

6.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn thể thức biểu quyết;

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội;

- Tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu;

6.3 Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

6.4 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo Danh sách cổ đông của Công ty được lập vào ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại Hội.

Điều 8: Thảo luận tại Đại hội

8.1 Nguyên tắc:

- Cổ đông có ý kiến cần trao đổi, làm rõ, đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi chuyển cho Ban thư ký Đại hội để chuyển Đoàn chủ tịch;
- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.

8.2 Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông

Đoàn chủ tịch hoặc thành viên do Đoàn chủ tịch chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

Điều 9: Thẻ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết do Công ty in và đóng dấu kiểm soát. Việc biểu quyết tại Đại hội được thực hiện theo các hình thức sau đây:

9.1 Biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết

- Việc biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết được áp dụng đối với các vấn đề sau:
 - + Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu;
 - + Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức - hoạt động tại Đại hội, Biên bản/Nghị quyết Đại hội;
 - + Các vấn đề khác theo quyết định của Đoàn chủ tịch (nếu có).
- Khi tiến hành biểu quyết, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến lần lượt giơ Thẻ biểu quyết lên cao.
- Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông, ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9.2 Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a. Phiếu biểu quyết được sử dụng để lấy ý kiến biểu quyết đối với các nội dung sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024;
- Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch thù lao năm 2025;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025;

b. Cách thức biểu quyết:

Các nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án *tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến* vào từng nội dung cần thông qua (đánh dấu (X) hoặc (V) vào nội dung biểu quyết)

c. Cách thức bỏ phiếu:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

- Trường hợp cổ đông trong quá trình bỏ phiếu, ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

d. Cách thức kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.

- Cách thức thực hiện việc kiểm phiếu:

+ Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng.

+ Ban kiểm phiếu được sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu.

+ Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết.

+ Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.

+ Tính toán và loại bỏ số cổ phần của các cổ đông có liên quan không được quyền biểu quyết (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).

+ Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho Chủ tọa.

- Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

+ Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra hoặc không có dấu của Công ty;

+ Phiếu bị rách, tẩy xóa, sửa chữa;

+ Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;

+ Phiếu có ghi nhiều ý kiến lựa chọn khác nhau cho cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó không hợp lệ.

+ Phiếu có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ;

+ Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết độc lập với nhau, tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có:

+ Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu.

+ Thành phần Ban kiểm phiếu.

+ Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp.

- + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu.
- + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ.
- + Số và tỷ lệ biểu quyết cho từng vấn đề.
- + Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 10: Thông qua Quyết định của Đại hội

10.1 Các vấn đề sau được thông qua khi được số cổ đông đại diện lớn hơn 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024;
- Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch, thù lao năm 2025;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025;

10.2 Cách thức phản đối/yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11: Biên bản Đại hội

11.1 Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

11.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

11.3 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội thông qua và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định.

11.4 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được Đại hội thông qua và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Điều 13: Lưu trữ tài liệu:

Nghị quyết, biên bản và các tài liệu khác của Đại hội phải được lưu trữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này gồm 4 Chương, 14 Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Quy chế này có thể được sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa Đại hội và phải được Đại hội biểu quyết thông qua.





TRẦN TUẤN LINH



TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào nguồn lực và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	ĐTV	Kế hoạch 2025	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	1.100.399	905.030
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	1.020.706	885.030
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	21.408	20.000
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	58.285	
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	1.093.865	869.736
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	46.864	29.465
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	14.476	10.921
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	11.099	8.413
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng		
-	Lợi nhuận cận biên (DT/LN)	%	1,32	1,26
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,60	1,97
	LNST/VCSH	%	1,29	1,10
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	779.242	782.104
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng	427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,8	1,2

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2025.

2. Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm như Hàm Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam); Hàm EA-Trang 1&2 (dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật); Hàm Đèo Ngang; Công trình cao tốc Hòa bình - Mộc Châu và các công trình dự kiến đấu thầu mới trong năm.

3. Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động của các phòng ban, đơn vị trực thuộc để tổ chức, sắp xếp cho phù hợp với định hướng của đơn vị.

4. Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phần đầu hoàn thành kế hoạch đề ra.

6. Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình.

7. Đầu tư xe máy, thiết bị thi công phù hợp với nhu cầu và năng lực thực tế của đơn vị.

8. Trả lương đầy đủ kịp thời cho người lao động. Cân đối trả nợ thuế, BHXH cho cơ quan BHXH để đảm bảo quyền lợi cho người lao động;

9. Tập trung thu vốn và thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân và công nợ của các tổ chức, đối tác là chủ đầu tư mà đơn vị trực tiếp tham gia đấu thầu, trúng thầu.

10. Tích cực bám sát, chỉ đạo thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán tại các công trình đang thi công và quyết toán các công trình đã thi công xong như: XKM3, hầm Đèo Cả, thủy điện NamPhak, Yaly, Đăk Mi1...;

11. Thu xếp vốn Trả nợ gốc và lãi các Ngân hàng theo lịch biểu. Không để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Duy trì và phát triển quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty với chi phí thấp nhất.

12. Rà soát và giải quyết các kiến nghị của BKS nội bộ TCT Sông Đà, các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), các văn bản chỉ đạo của TCT Sông Đà.

13. Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP TĐ Nậm He theo Nghị quyết đã được TCT phê duyệt.

14. Phân tích hiệu quả kinh tế các dự án đã thực hiện trong thời gian qua, đề ra các giải pháp để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc tại các dự án đã hoàn thành thi công, đồng thời rút kinh nghiệm để giải quyết các vướng mắc tại các dự án đang thi công.

15. Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: kiểm tra, rà soát để hiệu chỉnh lại bộ định mức nội bộ công ty, xây dựng đơn giá ngày công phù hợp với tình hình thực tế, định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm lực lượng lao động gián tiếp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của đơn vị, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm...

Trên đây là kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT. thư ký.





900
G TV
HÀN
ĐÀ 1
V - T.P

Phụ lục 01

(kèm theo Tờ trình số 320/TTr-HĐQT ngày 02/ 4 /2025 của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10)

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐTV	Thực hiện 2024							Kế hoạch 2025	
			Hợp nhất		Công ty mẹ			Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)			
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	1.295.000	1.071.262	83,0	1.075.000	1.017.631	95,00		1.100.399	905.030
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	1.235.241	1.000.157		1.075.000	997.121			1.020.706	885.030
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	800	23.272			20.510			21.408	20.000
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	58.959	47.832						58.285	
II	Kế hoạch tài chính										
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	1.173.000	1.025.944	87	984.400	983.988	100		1.093.865	869.736
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	44.800	30.200	67	28.000	17.243	62		46.864	29.465
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	23.200	-449	-2	20.000	10.298	51		14.476	10.921
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	16.202	-4.147	-26	13.002	6.841	53		11.099	8.413
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng									
-	Lợi nhuận cận biên	%	1,98	-0,04		2,03	1,05			1,32	1,26
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	3,66	-0,97		3,04	1,60			2,60	1,97
	LNST/VCSH	%	1,81	-0,48		1,70	0,89			1,29	1,10
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	814.428	798.775		788.798	804.330			779.242	782.104
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng	427.323	427.323		427.323	427.323			427.323	427.323
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,80	1,8		1,2	1,1			1,80	1,2

Phụ lục số 02
(kèm theo Tờ trình số 320/TTr-HĐQT ngày 02/ 4/2025 của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10)

CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH

TT	Tên công trình	ĐVT	Kế hoạch 2025
A	Tổng giá trị SXKD Công ty mẹ	10³đ	905.030.000
I	Giá trị xây lắp	10³đ	885.030.000
1	Các công trình đã có HĐ		623.380.515
1.1	Công trình Hàm Sơn Triệu	10 ³ đ	209.991.411
1.2	Công trình Hàm Đèo Ngang	10 ³ đ	179.250.000
1.3	Công trình hầm Ea Trang 2	10 ³ đ	154.139.104
1.4	Công trình cao tốc Hòa bình - Mộc Châu	10 ³ đ	80.000.000
2	Các công trình dự kiến đấu thầu	10 ³ đ	261.649.485
II	Giá trị ngoài xây lắp	10³đ	20.000.000
B	Tổng giá trị SXKD Công ty 10.1	10³đ	137.084.000
I	Giá trị xây lắp	10³đ	135.675.549
1	Các công trình đã có HĐ	10 ³ đ	94.309.600
1.1	Hầm Ea Trang 1 (Cao tốc Bắc Nam đoạn KH-BMT)	10 ³ đ	94.309.600
2	Các công trình dự kiến đấu thầu	10 ³ đ	41.365.949
II	Ngoài xây lắp	10³đ	1.408.451
C	Tổng giá trị SXKD Công ty Nậm He	10³đ	58.284.655
1	Kinh doanh điện	10 ³ đ	58.284.655
	Tổng cộng Tổ hợp (A+B+C)	10³đ	1.100.398.655

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

Số: 321/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

Vv Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10 kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty CP Sông Đà 10 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Các báo cáo tài chính trên đã được công bố thông tin đầy đủ theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty CP Sông Đà 10: <http://www.songda10.com.vn>.

Để tiện theo dõi, HĐQT kính gửi kèm theo tờ trình này là Bản rút gọn của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, thư ký.



Số: 303/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, khoản chi phí lãi vay quá hạn phải trả liên quan đến khoản vay tại Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 (Công ty con của Công ty) chưa được ghi nhận với giá trị là 44.691.358.453 đồng (trong đó, số chi phí lãi vay quá hạn đến 31/12/2023 là 41.466.841.999 đồng, số phát sinh trong kỳ này là 3.224.516.454 đồng). Nếu ghi nhận chi phí lãi vay quá hạn vào năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 thì khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tăng 44.691.358.453 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm 44.691.358.453 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng lên 3.224.516.454 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh" và "Lợi nhuận sau thuế TNDN" giảm đi tương ứng 3.224.516.454 đồng.

Kiểm toán | Thuế | Kế toán | Tư vấn | Đào tạo | Định giá

Thành viên hãng UHY Quốc Tế

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 36.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 lần lượt là 52.626.740.335 đồng (tại ngày 01/01/2024: 89.217.872.367 đồng) và 78.355.938.094 (tại ngày 01/01/2024: 78.355.938.094 đồng), các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (tại ngày 01/01/2024: 170.655.338.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2024: 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2024 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

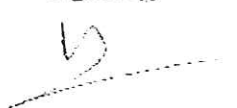
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.530.174.872.307	1.642.260.055.152
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	176.541.358.555	235.090.703.549
Tiền	111		161.541.358.555	169.090.703.549
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	66.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.677.143.755
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.677.143.755
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		924.332.884.086	956.555.113.907
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	790.031.533.998	783.988.078.176
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	38.256.121.913	7.373.971.279
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	11.064.522.709
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	133.018.712.751	154.747.579.617
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(46.803.119.813)	(10.448.673.111)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	12	9.829.635.237	9.829.635.237
Hàng tồn kho	140	13	363.972.987.514	380.985.906.506
Hàng tồn kho	141		363.972.987.514	380.985.906.506
Tài sản ngắn hạn khác	150		65.327.642.152	63.951.187.435
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	10.007.940.588	1.790.633.023
Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.094.565.551	61.935.463.399
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	225.136.013	225.091.013
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		576.612.020.287	646.280.474.738
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.650.631.946	78.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	4.650.631.946	78.000.000
Tài sản cố định	220		511.032.483.582	544.442.483.109
Tài sản cố định hữu hình	221	14	504.132.367.388	544.442.483.109
- Nguyên giá	222		1.408.411.290.591	1.417.109.257.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(904.278.923.203)	(872.666.774.060)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	6.900.116.194	-
- Nguyên giá	225		7.214.482.285	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(314.366.091)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5	9.391.659.692	13.741.917.852
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.391.659.692	13.741.917.852
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	15.739.033.894	42.906.796.893
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		18.739.033.894	45.906.796.893
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		35.798.211.173	45.111.276.884
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	35.798.211.173	45.111.276.884
TỔNG TÀI SẢN	270		2.106.786.892.594	2.288.540.529.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.308.091.141.591	1.485.618.537.858
Nợ ngắn hạn	310		1.090.905.773.095	1.187.259.805.989
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	228.847.894.140	245.629.138.736
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	248.624.163.457	283.757.959.884
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.436.353.658	19.297.861.743
Phải trả người lao động	314		31.348.524.385	33.832.190.196
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	127.234.824.151	116.985.453.630
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		265.090.909	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	114.406.272.718	118.512.720.459
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	331.952.613.066	367.501.444.730
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		790.036.611	1.743.036.611
Nợ dài hạn	330		217.185.368.496	298.358.731.869
Phải trả dài hạn khác	337	21	5.953.435.259	14.048.665.013
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	197.951.933.237	271.030.066.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		13.280.000.000	13.280.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		798.695.751.003	802.921.992.032
Vốn chủ sở hữu	410	22	798.695.751.003	802.921.992.032
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.901.000.000	3.901.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		396.319.577.252	396.319.577.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(63.879.025.301)	(63.714.288.944)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(63.714.288.944)	(62.641.385.091)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(164.736.357)	(1.072.903.853)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(15.035.432.869)	(10.973.928.197)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.106.786.892.594	2.288.540.529.890

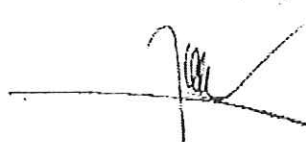
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.022.914.332.736	705.299.312.356
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	769.164.396	2.645.242.353
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.022.145.168.340	702.654.070.003
Giá vốn hàng bán	11	25	886.217.261.758	582.339.762.308
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135.927.906.582	120.314.307.695
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.938.142.335	3.486.083.028
Chi phí tài chính	22	27	50.606.007.426	71.653.046.756
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>48.710.276.653</i>	<i>69.862.391.440</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	89.933.272.576	53.717.926.824
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(673.231.085)	(1.570.582.857)
Thu nhập khác	31	29	2.825.213.260	3.781.880.643
Chi phí khác	32	30	2.829.211.667	(1.000.091.262)
Lợi nhuận khác	40		(3.998.407)	4.781.971.905
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(677.229.492)	3.211.389.048
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.549.011.537	8.188.348.773
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.226.241.029)	(4.976.959.725)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(164.736.357)	(1.072.903.853)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.061.504.672)	(3.904.055.872)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(4)	(28)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	(4)	(28)

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(677.229.492)	3.211.389.048
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	45.465.191.995	44.859.532.399
Các khoản dự phòng	03	36.354.446.702	218.346.101
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(3.622.813.485)	(6.166.669.937)
Chi phí lãi vay	06	48.710.276.653	69.862.391.440
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	126.229.872.373	111.984.989.051
thay đổi vốn lưu động			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.032.861.589)	56.993.822.709
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.363.177.152	(21.860.960.849)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(70.000.039.926)	187.903.457.096
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.095.758.146	3.455.466.979
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.345.707.964)	(55.635.712.105)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.417.974.284)	(9.252.080.483)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(953.000.000)	(1.256.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	18.939.223.908	272.332.782.398
doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.055.192.468)	(1.776.636.364)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.649.806.175	3.598.315.723
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.677.143.755)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.741.666.464	18.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.360.537.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.528.299.999	16.714.503.801
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.077.350.211	2.568.354.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.581.393.381	33.427.393.619

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		237.928.694.815	261.860.494.058
Tiền trả nợ gốc vay	34		(344.493.111.050)	(380.786.136.444)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(2.062.549.048)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.442.997.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(115.069.962.283)	(118.925.642.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(58.549.344.994)	186.834.533.631
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	235.090.703.549	48.256.169.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	176.541.358.555	235.090.703.549

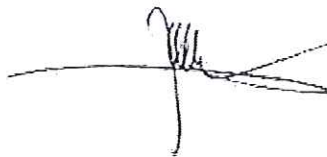
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Số: 302 /2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 170.655.338.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2024 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.399.707.156.618	1.461.410.532.274
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	156.890.443.268	224.791.676.813
Tiền	111		146.890.443.268	158.791.676.813
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	66.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		951.553.956.969	902.265.731.271
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	833.340.432.924	790.652.396.713
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	68.744.342.864	5.595.616.307
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	95.704.298.611	115.898.388.979
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(46.235.117.430)	(9.880.670.728)
Hàng tồn kho	140	12	244.869.932.113	279.681.373.624
Hàng tồn kho	141		244.869.932.113	279.681.373.624
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.392.824.268	54.671.750.566
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	44.800.268	494.699.022
Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.347.979.000	54.177.051.544
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	45.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.611.267.693	280.469.423.091
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.500.000	78.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	40.500.000	78.000.000
Tài sản cố định	220		127.062.337.393	138.545.250.242
Tài sản cố định hữu hình	221	13	120.162.221.199	138.545.250.242
- Nguyên giá	222		641.644.753.287	639.340.714.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(521.482.532.088)	(500.795.463.919)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	6.900.116.194	-
- Nguyên giá	225		7.214.482.285	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(314.366.091)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	9	891.752.859	4.080.166.698
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		891.752.859	4.080.166.698
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	67.696.966.268	94.864.729.267
Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		18.739.033.894	45.906.796.893
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.400.000.000)	(69.400.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		33.919.711.173	42.901.276.884
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	33.919.711.173	42.901.276.884
TỔNG TÀI SẢN	270		1.629.318.424.311	1.741.879.955.365

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		825.070.508.911	944.390.804.020
Nợ ngắn hạn	310		813.965.140.415	863.812.072.151
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	237.800.745.196	254.899.313.225
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	248.624.163.457	283.757.959.884
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.638.883.117	13.037.640.762
Phải trả người lao động	314		26.963.024.431	27.882.576.509
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.707.213.966	16.326.740.860
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		265.090.909	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	28.005.554.870	38.062.135.879
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	246.630.852.168	228.663.092.731
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		329.612.301	1.182.612.301
Nợ dài hạn	330		11.105.368.496	80.578.731.869
Phải trả dài hạn khác	337	20	5.953.435.259	14.048.665.013
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	5.151.933.237	66.530.066.856
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		804.247.915.400	797.489.151.345
Vốn chủ sở hữu	410	21	804.247.915.400	797.489.151.345
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Quỹ đầu tư phát triển	418		288.722.797.097	288.722.797.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.135.486.382	31.376.722.327
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.376.722.327	19.567.226.471
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.758.764.055	11.809.495.856
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.629.318.424.311	1.741.879.955.365

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh Nhung

Nguyễn Trung Kiên

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	982.039.475.275	681.166.486.289
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	769.164.396	2.645.242.353
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		981.270.310.879	678.521.243.936
Giá vốn hàng bán	11	24	866.570.855.228	581.710.371.888
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.699.455.651	96.810.872.048
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.447.968.167	954.044.797
Chi phí tài chính	22	26	24.273.330.211	35.613.199.031
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.377.599.438	33.976.987.643
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	84.253.476.221	47.244.078.930
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.620.617.386	14.907.638.884
Thu nhập khác	31	28	2.234.772.150	3.764.305.420
Chi phí khác	32	29	1.652.628.752	(1.039.447.004)
Lợi nhuận khác	40		582.143.398	4.803.752.424
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.202.760.784	19.711.391.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.443.996.729	7.901.895.452
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.758.764.055	11.809.495.856

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nhung

Nguyễn Trung Kiên

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	10.202.760.784	19.711.391.308
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.729.572.910	21.199.320.555
Các khoản dự phòng	03	36.354.446.702	218.346.101
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(2.556.639.317)	(3.698.116.114)
Chi phí lãi vay	06	22.377.599.438	33.976.987.643
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	88.107.740.517	71.407.929.493
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(77.769.898.281)	31.874.218.577
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	37.999.855.350	(18.960.093.424)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(63.963.315.974)	211.886.417.675
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.431.464.465	1.558.319.846
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.445.697.965)	(32.993.712.105)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.026.506.155)	(8.518.365.294)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(853.000.000)	(1.247.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(37.519.358.043)	255.007.614.768
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.246.660.061)	(1.383.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.073.806.175	3.598.315.723
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.360.537.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.528.299.999	16.714.503.801
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	476.586.567	99.800.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.471.495.680	19.029.619.915

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết số	minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
Tiền thu từ đi vay	33			237.928.694.815	261.860.494.058
Tiền trả nợ gốc vay	34			(279.276.519.949)	(350.538.407.179)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35			(2.062.549.048)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(6.442.997.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(49.853.371.182)	(88.677.913.121)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50			(67.901.233.545)	185.359.321.562
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4		224.791.676.813	39.432.355.251
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4		156.890.443.268	224.791.676.813

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2024 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị (HĐQT) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo tình hình quản trị công ty gồm các phần sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024;
- Hoạt động của HĐQT trong năm 2024;
- Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2025.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Tổ hợp			Công ty mẹ		
			KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành	KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Tổng GT SXKD	10 ⁶ đ	1.295.000	1.071.262	82,72	1.075.000	1.017.631	94,66
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	1.173.000	1.028.909	87,72	984.400	986.953	100,3
3	Nộp nhà nước	10 ⁶ đ	44.800	29.476	65,79	28.000	17.230	61,54
4	LN trước thuế	10 ⁶ đ	23.200	-677	-2,92	20.000	10.203	51,02
5	LN sau thuế	10 ⁶ đ	16.202	-4.147	-26,0	13.002	6.841	53,0
6	Thu nhập BQ 1CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	14,92	18,52	124,0	15,00	19,20	128,0
7	Đầu tư	10 ⁶ đ	72.840	3.710	5,0	72.840	3.710	5,0

- Giá trị dở dang cuối kỳ (Công ty mẹ): là 220,663 tỷ đồng, giảm 25,142 tỷ đồng so với đầu năm 2024 (dở dang đầu năm là 245,805 tỷ đồng);
- Công nợ phải thu (Công ty mẹ): Hết năm 2024 là 830,375 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 39,723 tỷ đồng (đầu năm là 790,652 tỷ đồng);

2. Nhận xét, đánh giá

Năm 2024, hoạt động SXKD chính của Công ty là tham gia thi công xây lắp tại các công trình: thủy điện Nam Phak (Lào); hầm Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam); hầm EA Trang 1 & hầm EA Trang 2 (dự án đường cao tốc Bắc nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột); thủy điện Yaly mở rộng (Gia Lai) và thủy điện Đắc Mi 1 (Quảng Nam).

Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 đã thông qua.

Kết quả đạt được là: hầu hết các công trình Công ty đảm nhiệm thi công đều đạt và vượt tiến độ. Công tác thi công đảm bảo an toàn, chất lượng theo yêu cầu thiết kế, được bạn hàng đánh giá cao. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như tổng hợp tại mục 1 trên. Mặc dù vậy, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều không đạt kế hoạch bởi các nguyên nhân sau:

- Tại công trình thủy điện Đắkmi 1:
 - + Nguyên nhân khách quan: Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công chậm không đúng thời điểm như điều khoản Hợp đồng đã ký kết (đặc biệt là hạng mục tháp điều áp). Hiện công trình đã dừng thi công (2 bên thống nhất chấm dứt hợp đồng);
 - + Nguyên nhân chủ quan: Công tác thu vốn không đáp ứng yêu cầu dẫn đến việc cung cấp vật tư, vật liệu đầu vào phục vụ thi công chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ.
- Công trình Ea Trang: Một số hạng mục công trình bị chậm bàn giao mặt bằng (2 tháng) làm ảnh hưởng tới sản lượng và các chỉ tiêu khác của Công ty.
- Giá trị lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ và của tổ hợp đạt thấp là do: 6 tháng đầu năm 2024 đơn vị thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi khoản đặt cọc 35 tỷ đồng theo hợp đồng quyền chọn mua cổ phần ký ngày 16/09/2013 giữa CTCP Sông Đà 10 và CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc mua cổ phần của CTCP Đầu tư Đèo Cả, theo yêu cầu của kiểm toán.

- Về lĩnh vực sản xuất điện (Công ty CP thủy điện Nậm He):

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty CP thủy điện Nậm He		
			KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	58.959	47.832	81,0
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	54.592	44.289	81,0
3	Nộp nhà nước	10 ⁶ đ	11.390	10.712	94,0
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	1.507	-9.412	-625,0
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	961	-9.548	-993,0
6	Thu nhập BQ tháng 1 CBCNV	10 ⁶ đ	12,70	13,00	102,0

Năm 2024, giá trị SXKD của Công ty CP thủy điện Nậm He chỉ đạt 81% so với kế hoạch năm do một số nguyên nhân sau:

- + Lượng mưa tháng 1,2/2024 không đạt theo dự kiến kế hoạch đề ra nên đã giảm sản lượng từ 3,7 triệu Kwh xuống còn 2,1 triệu Kwh.
- + Nhà máy tạm ngừng phát điện từ ngày 10/03/2024 đến ngày 05/6/2024 để hoàn thiện hồ sơ cấp phép hoạt động điện lực nên sản lượng điện bị giảm 7,4 triệu Kwh.
- Công tác SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1:
- + Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% HTKH
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	161.041	121.277	75%
2	Doanh số	10 ⁶ đ	145.429	111.775	77%
3	Doanh thu	10 ⁶ đ	134.008	106.072	79%
4	Tiền về tài khoản, gán trừ	10 ⁶ đ	160.000	203.821	127%
5	Các khoản phải nộp Nhà nước	10 ⁶ đ	5.410	2.120	39%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	1.693	-1.441	-85%
7	Thu nhập bình quân người/tháng	10 ³ đ	15.010	15.809	105%

Phần lớn các chỉ tiêu kinh tế của Sông Đà 10.1 không đạt kế hoạch đề ra là do:

- Sản lượng các công trình dự kiến đấu thầu không thực hiện được (đạt 0/38 tỷ đ);
- Công trình EA Trang 1: Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng (chậm 2,5 tháng).
- Công tác quyết toán công trình Xekaman1 không đạt được tiến độ như kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế âm 1,44 tỷ đồng bởi một số lý do sau:

+ Chi phí lãi vay lớn, sản lượng thực hiện chỉ đạt 75%, doanh thu bán hàng không đủ bù đắp chi phí.

+ Chi phí máy phát sinh do thiết bị thi công từ công trình Nam Phak (Lào) gặp khó khăn trong việc tái xuất về Việt Nam, đến cuối tháng 12/2024 mới thực hiện được dẫn đến phát sinh chi phí thuê máy trong khi các thiết bị của Công ty (ở Lào) không hoạt động mà vẫn phải chịu khấu hao.

+ Năm 2024, Công ty bị truy thu thuế do năm 2021&2022 kê khai thiếu thuế GTGT, cộng với tiền phạt, truy thu lãi tiền chậm nộp với tổng chi phí là 1,236 tỷ đồng.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

1. Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHCĐ thường niên 2024 đã thông qua để tích cực chỉ đạo, điều hành các mặt công tác: Kỹ thuật – An toàn; Kinh tế - Kế hoạch; Đấu thầu – Tiếp thị; Tài chính - Kế toán; Vật tư – Cơ giới và Tổ chức – Nhân sự nhằm tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD đồng thời đảm bảo tiến độ, chất lượng các công trình....với một số hành động cụ thể, nổi bật như:

a) Thực hiện sáp nhập và chấm dứt hoạt động một số xí nghiệp (XN), đơn vị trực thuộc cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, cụ thể: Sáp nhập XN Cơ khí Sông Đà 10 vào XN Sông Đà 10.5 đồng thời chấm dứt hoạt động đối với XN Cơ khí Sông Đà 10; Sáp nhập XN Sông Đà 10.7 vào XN Sông Đà 10.5 đồng thời chấm dứt hoạt động đối với XN Sông Đà 10.7; Chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị: XN Sông Đà 10.6; BDH Dự án thủy điện Nam Emoun; BDH dự án Đèo Cả, Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán các công trình đang thi công và quyết toán các công trình đã thi công xong như: Thủy điện NamPhak, Yaly mở rộng, Đăk Mít, Xekaman 3, các công trình giao thông như: Hầm Đèo Cả, Hầm Sơn Triệu; Hầm Ea Trang;

c) Tích cực chỉ đạo công tác thu vốn và trả nợ các tổ chức tín dụng: Trả nợ đúng hạn khoản nợ gốc vay các tổ chức tín dụng, không để xảy ra tình trạng chuyển nợ quá hạn. Dự nợ gốc cuối năm giảm đáng kể so với đầu năm. Cụ thể (i) Công ty mẹ 251 tỷ/đầu năm 295 tỷ; (ii) Công ty 10.1 là 65 tỷ/đầu năm 116 tỷ; (iii) Công ty Nậm He 213 tỷ/đầu năm 228 tỷ.

d) Chỉ đạo thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu. Năm 2024 và đầu năm Công ty (cùng Tổng Công ty và các liên danh) đã tham gia đấu thầu và trúng thầu một số công trình lớn như: Cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu (200 tỷ); hầm Đèo Ngang (239 tỷ) và thủy điện Bắc Ái (dự kiến 600 tỷ, hiện chưa ký hợp đồng);

e) Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra;

f) Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS

a) Thù lao của HĐQT và BKS

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thù lao năm 2024 của HĐQT, BKS ở mức độ hoàn thành kế hoạch như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)	Số tháng	Thù lao năm 2024
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000	12	48.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	12	36.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000	12	24.000.000
Cộng				108.000.000

Năm 2024, mức lợi nhuận trước thuế của đơn vị chỉ đạt 51,49% (10,298 tỷ/20 tỷ). Điều này là do đơn vị thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi khoản đặt cọc 35 tỷ đồng theo hợp đồng quyền chọn mua cổ phần ký ngày 16/09/2013 giữa CTCP Sông Đà 10 và CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc mua cổ phần của CTCP Đầu tư Đèo Cả, theo yêu cầu của kiểm toán. Nếu loại trừ yếu tố này thì kết quả lợi nhuận của Công ty là 45,298 tỷ đồng, đạt 226,49%. Vì vậy, HĐQT đề nghị được quyết toán mức thù lao cho HĐQT, BKS bằng mức kế hoạch với hệ số hoàn thành $K=1,0$, cụ thể:

TT	Chức danh	Mức thù lao quyết toán (đồng/tháng)	Số người	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
I	Thù lao HĐQT				192.000.000
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000	4	12	192.000.000
II	Thù lao BKS				84.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	1	12	36.000.000

TT	Chức danh	Mức thù lao quyết toán (đồng/tháng)	Số người	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
2	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000	2	12	48.000.000
Cộng					276.000.000

Hiện, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thông qua quyết toán thù lao năm 2024 cho HĐQT và BKS. Sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Công ty sẽ quyết toán thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS vào thời điểm thích hợp.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành họp 06 lần, ngoài ra HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT đều tham gia theo đúng quy chế, quy định và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc triển khai thực hiện. Với các thông tin cần công bố theo quy định của Luật chứng khoán, Công ty cũng nghiêm túc thực hiện.

Trong năm qua, HĐQT đã ban hành 44 Nghị quyết và Quyết định để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hằng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Song song với sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát cũng định kỳ kiểm tra kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2024.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2025

1. Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Đảng, Nhà nước tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển hạ tầng như: Giao thông, năng lượng, nhiều dự án đầu tư lớn đã được Chính phủ trình ra quốc hội.
- Chính phủ tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả trong công tác: Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình mới.

- Thương hiệu và uy tín của Công ty Sông Đà 10 được Chủ đầu tư tín nhiệm qua việc thi công các công trình.

- Phần lớn sản lượng trong năm 2025 về cơ bản có hợp đồng hoặc dự kiến sẽ sớm ký HĐ. Năng lực thi công của Công ty đáp ứng tốt kế hoạch SXKD trong năm 2025.

b) Khó khăn

- Khó khăn trong tuyển dụng lao động ở một số thời điểm thiếu hụt lao động.
- Công nợ tồn đọng lớn và việc thu hồi rất khó khăn.
- Chủ đầu tư ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng, tiến độ cũng như về giá thành.
- Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng cao.

2. Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động và nhiệm vụ trong năm 2025 như sau:

a) Tập trung lực lượng hoàn thành các công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Củng cố và nâng cao năng lực thi công, tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành;

b) Đôn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính – tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD;

c) Tích cực hoạt động tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm cơ hội việc làm mới cho những năm tiếp theo.

d) Tìm cách thoái vốn tại các doanh nghiệp không đem lại hiệu quả kinh tế;

e) Tiếp tục rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty;

f) Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

g) Đảm bảo và nâng cao thu nhập cho CBCNV cũng như các chế độ BHXH, BHYT và các chế độ khác cho người lao động.

h) Thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị công ty trong năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2025. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.





TRẦN TUẤN LINH



Số: 02 /SD10-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024:

1. Cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 10 gồm 3 thành viên:

- Bà Lê Thị Mai Hương – Trưởng ban kiểm soát không chuyên trách.
- Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm soát viên kiêm nhiệm
- Bà Vũ Thị Tố Nga – Kiểm soát viên kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2024, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty, Quy chế TC&HD của Ban KS. BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên, kết quả cụ thể như sau:

- **Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 655/NQ-DH ngày 25/6/2024.**
- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét Nghị quyết, Quyết định của HDQT.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (khi được mời);
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- **Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HDQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2024;**
- BKS được cung cấp thông tin về các Quyết định của HDQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- **Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;**

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. Kết quả hoạt động của công ty năm 2024:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024:

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Năm 2024, Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm, mặc dù vậy, HĐQT và Tổng giám đốc công ty đã nỗ lực chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, nghiệm thu thanh toán thu hồi công nợ,... và đã đạt được kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.075	1.017,6	95%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	984,4	987	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20	10,2	51%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13	6,7	52%
5	Tỷ suất LN/DT	%	2	1,03	52%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,6	0,8	50%
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng		1.629	
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	789	804	102%
9	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	1,2	1,03	86%
10	Cổ tức	%	0%	0%	

Các chỉ tiêu về giá trị SXKD không đạt kế hoạch, nguyên nhân do: (i) Sản lượng không đạt kế hoạch; (ii) Tại công trình thủy điện Đắk Mít 1, hiện đã dừng thi công (2 bên thống nhất chấm dứt HĐ); (iii) Công trình Ea Trang: Hầu hết các hạng mục chính đến trung tuần tháng 3 mới đủ điều kiện để triển khai thi công.

- Riêng chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận không đạt kế hoạch năm 2024, nguyên nhân do: sản lượng không đạt kế hoạch, đơn vị trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi về khoản đặt cọc 35 tỷ đồng theo hợp đồng quyền chọn mua cổ phần ký ngày 16/09/2013 giữa CTCP Sông Đà 10 và CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc mua cổ phần của CTCP Đầu tư Đèo Cả.

Trong năm 2024, Công ty đã tích cực tìm kiếm việc làm và đã ký được các hợp đồng mới với giá trị 438 tỷ đồng, Cụ thể: Gói thầu XL- 02 dự án cao tốc Hòa Bình- Mộc Châu với giá trị 199 tỷ đồng; Gói thầu: XL-CHQL1-02 Dự án: Nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên Quốc lộ 1 (các cầu Xương Giang, Gianh, Quán Hàu và hầm Đèo Ngang) với giá trị 239 tỷ đồng.

1.2. Kết quả kinh doanh – Quản lý giá thành – Chi phí quản lý:

a) Kết quả kinh doanh

- Doanh thu năm 2024 là 987 tỷ đồng và đạt 100% kế hoạch năm; lợi nhuận là 10,2 tỷ đồng và đạt 51% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế là 10,2 tỷ đồng và đạt 51% kế hoạch năm, hoạt động SXKD hoàn thành kế hoạch năm. Một số công trình ghi nhận kết quả lỗ năm 2024: Xekaman 3 lỗ 5,6 tỷ đồng; TĐ Nậm He lỗ 2,08 tỷ đồng; Hàm Đào Cá lỗ 0,2 tỷ đồng; TĐ Nậm Chiến lỗ 0,7 tỷ đồng, TĐ Nậm Ly lỗ 1,05 tỷ đồng (toàn bộ số lỗ do phân bổ chi phí lãi vay trong kỳ); CT Đắkmì 1 lỗ 8,85 tỷ đồng, TĐ Đakdrinh lỗ 2,1 tỷ đồng...04/06 xí nghiệp báo lỗ gồm Xí nghiệp 10.3 lỗ 10,3 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.6 lỗ 3,64 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.7 lỗ 5,5 tỷ đồng; Xí nghiệp cơ khí Sông Đà 10 lỗ 0,54 tỷ đồng.

- Đối với hoạt động xây lắp, trong năm 2024 có 21 công trình lỗ với số lỗ là 25,35 tỷ đồng; có 5 công trình (Nậm Phark, Mũi Trâu, Hàm Eatrang, Hàm Sơn Triệu, Nậm Theun 1) ghi nhận lãi với số lãi 68,4 tỷ đồng.

b) Chi phí quản lý

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 là 84,2 tỷ đồng chiếm 8,6% doanh thu thuần và tăng 37 tỷ đồng so với năm 2023 (47,2 tỷ đồng) và tương ứng mức tăng là 78%, nguyên nhân tăng chủ yếu là do trích lập dự phòng phải thu khó đòi 36,354 tỷ đồng.

1.3. Về đầu tư tài chính, đầu tư máy móc thiết bị

a) Tình hình đầu tư tài chính:

- Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào 02 công ty con, 04 công ty khác với giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2024 là 137,09 tỷ đồng, trong đó có 03 công ty kinh doanh không hiệu quả. Năm 2024 Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ Tuý Loan đã hoàn trả góp vốn với số tiền 27,16 tỷ đồng.

- Tại thời điểm 31/12/2024, lũy kế trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 69,4 tỷ đồng. Gồm khoản trích lập dự phòng tại CTCP thủy điện Nậm He là 66,4 tỷ đồng/giá trị đầu tư 66,4 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư); dự phòng tại CTCP cao su Phú Riềng Kratie 3 tỷ đồng/giá trị đầu tư 3 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư).

- Tình hình hoạt động tại 02 công ty con năm 2024:

Tại CTCP Sông Đà 10.1: Tổng doanh thu năm 2024 là 106,07 tỷ đồng; lỗ trong năm là 1,33 tỷ đồng (CT thủy điện Xekaman 1 lỗ là 5,22 tỷ đồng, CT hàm Eatrang lãi 3,7 tỷ đồng); lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 59,2 tỷ đồng và lỗ vượt 1,27 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 46,6 tỷ đồng). Dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 65,3 tỷ đồng (dư nợ đầu năm 1/1/2024 là 115,83 tỷ đồng). Dư nợ đến 15/4/2025 là 54,3 tỷ đồng và lãi vay phải trả là 103,8 tỷ đồng (nợ nhóm 5).

Ngoài ra, Công ty chưa ghi nhận trên sổ sách khoản lãi vay quá hạn phải trả tính đến ngày 31/12/2024 là 44,691 tỷ đồng.

Tại CTCP thủy điện Nậm He: Tổng doanh thu năm 2024 là 44,2 tỷ đồng; lỗ trong năm là 9,544 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến 31/12/2024 là 150,9 tỷ đồng và lỗ vượt 1,30 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 115,5 tỷ đồng); vốn chủ sở hữu âm 35,3 tỷ đồng. Dư nợ vay đến 31/12/2024 là 212,8 tỷ đồng trong đó dư nợ vay quá hạn là 180,7 tỷ đồng, trong 3 tháng đầu năm 2025 đã trả nợ vay 5,5 tỷ đồng. Như vậy dư nợ đến 02/4/2025 là 207,3 tỷ đồng trong đó dư nợ vay quá hạn là 175,2 tỷ đồng.

- Tình hình chi trả cổ tức:

Năm 2020 là 4% chưa thực hiện chốt danh sách chi trả.

Năm 2021, 2022 và 2023: Công ty không chia cổ tức do lợi nhuận của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất các năm này bị lỗ.

b) *Tình hình đầu tư:*

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công xây lắp và quản lý SXKD của Công ty: trong năm 2024 công ty đầu tư 6 ô tô vận chuyển đá hàm với giá trị 8,62 tỷ đồng/Kế hoạch là 80 tỷ đồng đạt 10,78%.

- Việc thực hiện đầu tư không đạt kế hoạch do trong năm 2024 lượng máy móc thiết bị sẵn có đáp ứng được tiến độ thi công vì vậy công ty chủ động giãn tiến độ đầu tư.

1.4. Tình hình vay và trả nợ ngân hàng

- Trong năm 2024, số tiền giải ngân là 230,71 tỷ đồng; số tiền trả nợ là 279,27 tỷ đồng.

- Dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng đến 31/12/2024 là 251,7 tỷ đồng. Lãi vay tài chính năm 2024 là 22,377 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP là 6,375 tỷ đồng (chiếm 28,5% tổng chi phí lãi vay).

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến 31/12/2024 là 246,6 tỷ đồng (trong đó: vay ngân hàng là 145,1 tỷ đồng; vay dài hạn đến hạn trả là 101,5 tỷ đồng)/tổng hạn mức vay ngắn hạn là 500 tỷ đồng.

+ Vay dài hạn đến 31/12/2024 là 5,1 tỷ đồng

+ Dư nợ vay năm 2024 đã giảm đáng kể (43,4 tỷ đồng).

1.5. Về công tác kế toán và thẩm định báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong việc tổ chức công tác kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết.

- Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 302/2025/UHY-BCKT ngày 26/3/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY - đơn vị kiểm toán có ý kiến **vấn đề cần nhấn mạnh**: "Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (tại ngày 01/01/2024: 170.655.338.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2024: 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2024 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết".

Báo cáo tài chính năm 2024 đã khắc phục ý kiến ngoại trừ năm 2023 (Công ty đã hạch toán dự phòng phải thu khoản tiền đặt cọc mua cổ phần của CTCP Đèo Cả 35 tỷ đồng). Ban kiểm soát thống nhất với các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp lập tại thời điểm 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024:

(Đơn vị: VND)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
1	Tổng tài sản	1.629.318.424.311	1.741.879.955.365
	- Tài sản ngắn hạn	1.399.707.156.618	1.461.410.532.274
	- Tài sản dài hạn	229.611.267.693	280.469.423.091
2	Nguồn vốn	1.629.318.424.311	1.741.879.955.365
	- Nợ phải trả	825.070.508.911	944.390.804.020
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	804.247.915.400	797.489.151.345

Các chỉ tiêu tài chính năm 2024:

TT	Các chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Bố trí cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,51 lần	0,54 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,03 lần	1,18 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,31 lần	0,37 lần
2	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,97 lần	1,84 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,72 lần	1,69 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,38 lần	1,37 lần
3	Hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0,68%	1,73%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,41%	0,68%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	1,58%	2,76%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,84%	1,48%

- So sánh các chỉ tiêu năm 2024 với năm 2023, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản nguồn vốn điều chỉnh nhẹ.
- Về các chỉ tiêu hiệu quả: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn năm 2024 đã giảm nhẹ so với năm 2023.
- Cổ phiếu Công ty đã bị hủy niêm yết tại HNX từ ngày 24/1/2024 và giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 05/2/2024. Việc trở lại sàn HNX là khó thực hiện, mặt khác tính thanh khoản của cổ phiếu SDT rất thấp do giá trị cổ phiếu đã giảm, khả năng phục hồi là khó, vì lỗ lũy kế của công ty lớn do hoạt động SXKD tại công ty con kém hiệu quả.

1.6. Về giá trị khối lượng dở dang

- Giá trị dở dang đến thời điểm 31/12/2024: 231 tỷ đồng và tăng 30,58 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công trình lỗ dở dang: Đăkmí 1 lỗ 6,637 tỷ đồng; Xekaman 3 lỗ 0,382 tỷ đồng. Đây là khoản lỗ tiềm ẩn sẽ thành hiện thực khi công trình kết thúc.
- Trong năm qua, việc giải quyết các giá trị khối lượng dở dang tồn tại lâu ngày như đã nêu chưa có chuyển biến tích cực, đặc biệt có một số khoản công nợ sẽ chuyển sang lỗ tại một số dự án như: thủy điện Hòa Na; Thủy điện Bán Vẽ. Ngoài ra tại các dự án khác như Xekaman 3, Ngòi hút Vũng Áng,.... và một số dự án khác có công nợ kéo dài khó thu hồi.

1.7. Tình hình công nợ và thu hồi vốn

- **Tổng công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2024 là 833,3 tỷ đồng giảm 42,69 tỷ đồng so với đầu năm.** Trong năm 2024, Công ty đã thu hồi được một số công trình đã phát sinh lâu như CT NamTheun 1: 18 tỷ đồng, CT thủy điện Nậm Chiến là 18,5 tỷ đồng; CT Thủy điện Đakrinh: 1,6 tỷ đồng;... nên đã có tác động tích cực đến tình hình tài chính của công ty và đảm bảo vốn phục vụ SXKD.
- Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ lớn, khó thu và dẫn đến rủi ro tài chính (CT Xekaman 3 là 181,29 tỷ đồng; CT Đèo Cả 71,81 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm He là 111,62 tỷ đồng; CT Nậm Emoun là 83,3 tỷ đồng).
- Công nợ tạm ứng đến 31/12/2024 là 8,37 tỷ đồng (riêng Xí nghiệp 10.3 dư tạm ứng 7,95 tỷ đồng) giảm 0,99 tỷ đồng so với đầu năm 9,36 tỷ đồng. Một số cá nhân dư nợ tạm ứng tại Xí nghiệp 10.3 gần như không thay đổi và có giảm thì không đáng kể so với năm 2023 (Phạm Thế Duy là 759 triệu đồng; Phạm Văn Hùng là 631 triệu đồng, Phan Minh Đức là 1,14 tỷ đồng; Nguyễn Văn Bốn 2,117 tỷ đồng; Phạm Văn Tảo là 1,021 tỷ đồng...).

Công tác đối chiếu công nợ và lập dự phòng:

- Các khoản nợ phải thu được theo dõi, phân loại theo hạn nợ, tuổi nợ tuy nhiên việc trích lập dự phòng chưa đảm bảo theo quy định.
- Trong năm 2024, Công ty trích lập bổ sung dự phòng số tiền 35 tỷ đồng.
- Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2024 là 46,23 tỷ đồng trong đó trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản đặt cọc 35 tỷ đồng tại CTCP ĐT Hải Thạch BOT. Căn cứ tình hình nợ phải thu quá hạn nêu trên, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2024 là rất nhỏ so với giá trị cần phải trích lập theo quy định (riêng công nợ phải thu khách hàng TK131 – từ 1 năm đến dưới 2 năm là 18,77 tỷ đồng; từ 2-3 năm là 7,2 tỷ đồng; trên 3 năm là 430,7 tỷ đồng).

1.9 Tình hình nộp ngân sách

- Thuế phải nộp đến 31/12/2024 là 6,65 tỷ đồng, trong đó thuế TNDN là 4,7 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân là 1,5 tỷ đồng; các loại thuế khác 0,4 tỷ đồng.
- BHXH phải nộp đến 31/12/2024 là 3,96 tỷ đồng, đến thời điểm 15/3/2025, số chậm nộp BHXH là 2,7 tỷ đồng trong năm 2024, ghi nhận vào chi phí số tiền phạt, chậm nộp thuế và chậm nộp BHXH là 0,417 tỷ đồng (riêng chậm nộp BHXH là 0,119 tỷ đồng). Do đó làm giảm lợi nhuận toàn công ty với số tiền tương ứng.

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Chủ tịch HĐQT thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và chỉ đạo cụ thể các vấn đề phát sinh, đôi khi chỉ tiết đến từng vấn đề nhỏ.
- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.
- Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã ban hành 42 nghị quyết và quyết định, trong đó gồm nghị quyết – quyết định trong lĩnh vực đấu thầu mua sắm máy móc

thiết bị; lĩnh vực tài chính tín dụng; tổ chức nhân sự; Quy chế nội bộ; đấu thầu nhận thầu thi công và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Công tác điều hành sản xuất mặc dù rất nhiều khó khăn, do thi công dần trải trên nhiều địa bàn nhưng cũng đã kịp thời nhanh chóng, các công trình dự án đều đảm bảo tiến độ, đạt yêu cầu về kỹ thuật;
- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích.
- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm nên kết quả công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2024 đã đạt được kết quả khả quan.

3. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty

Năm 2024, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tại điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty. Phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động SXKD của công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực duy trì sự ổn định, khắc phục những tồn tại và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua. Để công ty hoạt động hiệu quả trong năm 2025, Ban Kiểm soát kiến nghị một số vấn đề với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty như sau:

- Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.
- Tìm giải pháp để hoàn thành tiến độ tại các công trình theo các hợp đồng đã ký kết, không để xảy ra tranh chấp hợp đồng và phạt tiến độ vì các nguyên nhân chủ quan.
- Xây dựng giải pháp quyết liệt và mạnh mẽ hơn trong việc thu hồi các khoản công nợ khó thu tại một số công trình, công nợ cá nhân.
- Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, giảm giá trị dở dang tại các công trình; Kịp thời giải quyết với các Chủ đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc phê duyệt dự toán, quyết toán, các chế độ chính sách liên quan để đảm bảo quyền lợi của Công ty. Tăng cường các biện pháp và thực hiện có hiệu quả việc thu hồi nợ, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn lâu ngày.
- Chú trọng công tác thị trường để tìm kiếm việc làm cho năm 2025 và những năm tiếp theo.
- Cân đối vốn để chi trả cổ tức năm 2020.
- Xem xét việc phân loại công nợ và . Việc chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản công nợ trên ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của năm hiện hành và các năm tiếp theo.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại CTCP TD Nậm He, rà soát lại hoạt động của Chi nhánh xí nghiệp hoạt động không hiệu quả đồng thời xây dựng phương án tái cấu trúc.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Triển khai định kỳ công tác thẩm định báo cáo báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm;
- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các khuyến nghị của Đoàn thanh kiểm tra (nếu có).
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp.
- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Thị Mai Hương

66357

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10
Số: 325/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;
Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2024.

Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang	14.283.797.927	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty mẹ	6.758.764.055	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.042.561.982	(= 1+2)
4	LN sau thuế năm 2024 trên BC hợp nhất	-164.736.357	
5	Tổng LN sau thuế được phân phối năm 2024	0	
6	Phương án phân phối LN năm 2024	10.000.000.000	
6.1	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000.000	
6.2	Dự kiến chia cổ tức		
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000	
	- Tỷ lệ cổ tức	0%	
	- Số tiền chia cổ tức	0	
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	11.042.561.982	(=3-6)

Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 bị âm. Tuy nhiên, Công ty dự kiến phân phối từ nguồn lợi nhuận còn lại của các năm trước của Công ty mẹ.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.



TRẦN TUẤN LINH

Số: 322/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2024
và kế hoạch thù lao năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2024.

Hội đồng quản trị báo cáo và đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

1. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Năm 2024, mức lợi nhuận trước thuế của đơn vị chỉ đạt 51,49% (10,298 tỷ/20 tỷ). Điều này là do đơn vị thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi khoản đặt cọc 35 tỷ đồng theo hợp đồng quyền chọn mua cổ phần ký ngày 16/09/2013 giữa CTCP Sông Đà 10 và CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc mua cổ phần của CTCP Đầu tư Đèo Cả, theo yêu cầu của kiểm toán. Nếu loại trừ yếu tố này thì kết quả lợi nhuận của Công ty là 45,298 tỷ đồng, đạt 226,49%. Vì vậy, HĐQT đề nghị được quyết toán mức thù lao cho HĐQT, BKS bằng mức kế hoạch với hệ số hoàn thành K=1,0, cụ thể:

TT	Chức danh	Mức thù lao quyết toán (đồng/tháng)	Số người	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
I	Thù lao HĐQT				192.000.000
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000	4	12	192.000.000
II	Thù lao BKS				84.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	1	12	36.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000	2	12	48.000.000
Cộng					276.000.000

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS gắn lợi nhuận thực hiện. Khi lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm (hệ số hoàn thành kế hoạch K=1) thì thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000

HĐQT sẽ căn cứ vào kết quả SXKD năm của đơn vị làm cơ sở đánh giá hệ số hoàn thành kế hoạch (K) và đề nghị mức thù lao quyết toán cho phù hợp.

- Thù lao được thanh toán, quyết toán theo quy định của Đơn vị và pháp luật.
- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2025.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2025

Về việc thông qua các hợp đồng xây lắp giữa Công ty CP Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Hiện nay, những hợp đồng giao nhận thầu xây lắp giữa Công ty CP Sông Đà 10 với Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty) hoặc người có liên quan của Tổng công ty Sông Đà có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty CP Sông Đà 10 ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (tại thời điểm ký kết) đều cần phải được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua những nội dung chủ yếu (theo khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp).

Do vậy, để đáp ứng yêu cầu pháp lý và thuận tiện trong việc ký kết, thực hiện các hợp đồng này, Công ty CP Sông Đà 10 kính trình ĐHQĐD xem xét thông qua các nội dung chính được nêu trong dự thảo Hợp đồng kèm theo dưới đây

(Chi tiết dự thảo Hợp đồng kèm theo)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

-Luru VT.



TRẦN TUẤN LINH

Dự thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----@-----

HỢP ĐỒNG

Số:.....

Về việc: Thi công xây lắp công trình

Căn cứ:

- Hợp đồng giữa Tổng công ty Sông Đà - CTCP với Chủ đầu tư dự án;
- Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Tổng công ty Sông Đà - CTCP và Công ty CP Sông Đà 10;

- Năng lực thực hiện của Công ty CP Sông Đà 10.

Hợp đồng được lập vào ngày.....tháng.....năm..... giữa:

1. Bên giao thầu: TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP (sau đây gọi tắt là “Bên A”)

- Địa chỉ:
- Điện thoại:E-mail:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:
- Đại diện là ông/bà:- Chức vụ:
(Theo Giấy ủy quyền số ngày/...../..... của)

2. Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 (gọi tắt là “Bên B”)

- Địa chỉ: Tầng 11, tháp B, Tòa nhà HH4 Khu đô thị Sông Đà- Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Tài khoản:
- Mã số thuế: 5900189357
- Điện thoại: 024.37683998 E-mail: songda10vp@gmail.com
- Đại diện là ông:- Chức vụ:

(Theo Giấy ủy quyền số ngày/...../..... của)

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Áp dụng như trong Hợp đồng Tổng Công ty Sông Đà ký với Chủ đầu tư

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
- 2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.3. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng;
- 2.4. Quyết định phê duyệt nhà thầu đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu;
- 2.5. Hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- 2.6. Hợp đồng với Chủ đầu tư;
- 2.7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có);

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

- 3.1. Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

4.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

4.1.1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng bảo lãnh của ngân hàng hoặc bằng một phương án khác do Bên B đề xuất;

4.1.2. Giá trị đảm bảo thực hiện hợp đồng bằng 10% giá trị hợp đồng và có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày thứ 28 sau khi Chủ đầu tư phát hành Giấy chứng nhận hoàn thành;

4.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

- Bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng;

- Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc bằng một phương án khác do bên B đề xuất được, Giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Bên B hoàn trả qua mỗi đợt thanh toán.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thi công xây dựng một số hạng mục công việc thuộc phần việc của bên A theo Hợp đồng ký với Chủ đầu tư.

Điều 6. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bên B có đủ điều kiện thi công (nhận được mặt bằng, thiết kế bản vẽ thi công được duyệt).

- Tiến độ thực hiện hợp đồng: Theo hợp đồng với Chủ đầu tư và thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 7. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

7.1. Giá trị và hình thức hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng là: giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng được 2 bên chấp thuận trên cơ sở giá trị hợp đồng với Chủ đầu tư và thoả thuận giữa hai bên;

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định hoặc điều chỉnh theo điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

7.2. Tạm ứng:

Tối đa bằng số tiền Chủ đầu tư tạm ứng cho bên A

7.3. Thanh toán:

- *Nguyên tắc chung:*

+ Sau khi bên A nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư dự án trừ đi các khoản trích nộp (nếu có).

+ Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở khối lượng nghiệm thu được bên A và Chủ đầu tư chấp thuận;

- *Thời hạn thanh toán:*

Sau khi bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư và nhận được hồ sơ thanh toán của bên B theo quy định.

7.4. Thanh toán tiền giữ lại: Sau khi Bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư.

7.5. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

- Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên A

Tham chiếu theo nội dung điều khoản “Quyền và nghĩa vụ của bên A” trong Hợp đồng với Chủ đầu tư và theo điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của bên B

Tham chiếu theo nội dung điều khoản “Quyền và nghĩa vụ của bên B” trong Hợp đồng với Chủ đầu tư và theo điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 10. Bảo hiểm và bảo hành

10.1 Bảo hiểm

Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

10.2 Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, bên B phải:

10.2.1 Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng đối với các công trình chính và 12 tháng đối với các công trình phục vụ thi công;

- 10.2.2 Trường hợp, bên A trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng Mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định hiện hành hoặc mẫu khác thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận;
- 10.2.3 Trong thời gian bảo hành công trình bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của bên B gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của bên B. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của bên B và thông báo cho bên B giá trị trên, bên B buộc phải chấp thuận giá trị trên;

Điều 11. Rủi ro và Bất khả kháng:

Theo nội dung của Hợp đồng với Chủ đầu tư

Điều 12. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng:

Áp dụng theo Hợp đồng với Chủ đầu tư và theo điều kiện cụ thể của hợp đồng

Điều 13. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

13.1 Khiếu nại

Thực hiện theo quy định nêu tại điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

13.2 Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định nêu tại điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Điều 14. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực khi được người đủ thẩm quyền ký kết và bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của bên B.

Điều 15. Điều Khoản chung

- 15.1. Việc thực hiện hợp đồng nằm trong mối quan hệ và để hoàn thành các mục tiêu của hợp đồng với Chủ đầu tư;
- 15.2. Trường hợp các nội dung chưa đề cập trong hợp đồng này thì áp dụng theo các quy định phù hợp trong hợp đồng với Chủ đầu tư;
- 15.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.
- 15.4. Hợp đồng được lập thành 08 bộ có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ 06 bộ. Bên B sẽ giữ 02 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Biên bản họp số/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐTV	Kế hoạch 2025	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	1.100.399	905.030
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	1.020.706	885.030
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	21.408	20.000
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	58.285	
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	1.093.865	869.736
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	46.864	29.465
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	14.476	10.921
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	11.099	8.413
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng		
-	Lợi nhuận cận biên	%	1,32	1,26
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,60	1,97
-	LNST/VCSH	%	1,29	1,10
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	779.242	782.104
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng	427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,8	1,2

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2025.

b) Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm như Hàm Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam); Hàm EA-Trang 1&2 (dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật); Hàm Đèo Ngang; Công trình cao tốc Hòa bình - Mộc Châu và các công trình dự kiến đầu thầu mới trong năm.

c) Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động của các phòng ban, đơn vị trực thuộc để tổ chức, sắp xếp cho phù hợp với định hướng của đơn vị.

d) Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

e) Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phần đầu hoàn thành kế hoạch đề ra.

f) Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đầu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đầu thầu các công trình.

g) Đầu tư xe máy, thiết bị thi công phù hợp với nhu cầu và năng lực thực tế của đơn vị.

h) Trả lương đầy đủ kịp thời cho người lao động. Cân đối trả nợ thuế, BHXH cho cơ quan BHXH để đảm bảo quyền lợi cho người lao động;

i) Tập trung thu vốn và thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân và công nợ của các tổ chức, đối tác là chủ đầu tư mà đơn vị trực tiếp tham gia đầu thầu, trúng thầu.

j) Tích cực bám sát, chỉ đạo thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán tại các công trình đang thi công và quyết toán các công trình đã thi công xong như: XKM3, hầm Đèo Cả, thủy điện NamPhak, Yaly, Đăk Mi1...;

k) Thu xếp vốn Trả nợ gốc và lãi các Ngân hàng theo lịch biểu. Không để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Duy trì và phát triển quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty với chi phí thấp nhất.

l) Rà soát và giải quyết các kiến nghị của BKS nội bộ TCT Sông Đà, các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), các văn bản chỉ đạo của TCT Sông Đà.

m) Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP TĐ Nậm He theo Nghị quyết đã được TCT phê duyệt.

n) Phân tích hiệu quả kinh tế các dự án đã thực hiện trong thời gian qua, đề ra các giải pháp để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc tại các dự án đã hoàn thành thi công, đồng thời rút kinh nghiệm để giải quyết các vướng mắc tại các dự án đang thi công.

o) Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: kiểm tra, rà soát để hiệu chỉnh lại bộ định mức nội bộ công ty, xây dựng đơn giá ngày công phù hợp với tình hình thực tế, định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm lực lượng lao động gián tiếp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của đơn vị, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm...

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

N: 69
ÔNG
PHÁ
G ĐÀ
M.T.

Điều 2. Báo cáo tài chính năm 2024

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.283.797.927	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty mẹ	6.758.764.055	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.042.561.982	(= 1+2)
4	LN sau thuế năm 2024 trên BC hợp nhất	-164.736.357	
5	Tổng LN sau thuế được phân phối năm 2024	0	
6	Phương án phân phối LN năm 2024	10.000.000.000	
6.1	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000.000	
6.2	Dự kiến chia cổ tức		
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000	
	- Tỷ lệ cổ tức	0%	
	- Số tiền chia cổ tức	0	
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	11.042.561.982	(=3-6)

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 6. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

1. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Tổng thù lao là 276.000.000 đồng. Các mức cụ thể như sau:

- Thù lao thành viên HĐQT : 4 triệu đồng/tháng;
- Thù lao Trưởng BKS : 3 triệu đồng/tháng;
- Thù lao thành viên BKS : 2 triệu đồng/tháng;

2. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS gắn lợi nhuận thực hiện. Khi lợi nhuận thực

hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm (hệ số hoàn thành kế hoạch $K=1$) thì thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000

HĐQT sẽ căn cứ vào kết quả SXKD năm của đơn vị làm cơ sở đánh giá hệ số hoàn thành kế hoạch (K) và đề nghị mức thù lao quyết toán cho phù hợp.

- Thù lao được thanh toán, quyết toán theo quy định của Đơn vị và pháp luật.
- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2025.

(tỷ lệ tán thành: số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

1. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
3. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

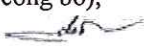
Điều 8. Thông qua dự thảo các hợp đồng giao nhận thầu xây lắp giữa Công ty CP Sông Đà 10 với Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty) hoặc người có liên quan của Tổng công ty Sông Đà có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty CP Sông Đà 10 ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (tại thời điểm ký kết) như đề nghị của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10 tại tờ trình số /TTr-HĐQT ngày.....;

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 9. Điều khoản thi hành

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và các trưởng phòng chức năng Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Công ty con & các đ.vị trực thuộc;
- Người CBTT (để công bố);
- Lưu VT, Thư ký. 

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**



TRẦN TUẤN LINH

6357/04

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10 (MÃ CK: SDT)
SÔNG ĐÀ NO. 10 JOINT STOCKS COMPANY



SÔNG ĐÀ 10

THẺ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

MÃ SỐ BQ:

Họ và tên Cổ đông/đại diện cổ đông:.....

.....

Số CP sở hữu:.....;

Số CP được ủy quyền:.....;

Tổng số CP có quyền biểu quyết.....;

Hà Nội, ngày....tháng...năm 2025
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Họ tên cổ đông:.....Mã cổ đông:.....

Họ tên đại diện cổ đông:

Số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu):

Ý kiến biểu quyết (*tích dấu “X” vào ô trống bên phải ý kiến*):

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

2. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

5. Phương án phân phối lợi nhuận 2024

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

6. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2025

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

8. Thông qua dự thảo các hợp đồng xây lắp giữa Công ty CP Sông Đà 10 và Tổng công ty Sông Đà hoặc người có liên quan của Tổng công ty Sông Đà có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty CP Sông Đà 10 ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (tại thời điểm ký kết)

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(ký, ghi rõ họ tên)